

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 152/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ**Hướng dẫn kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh**

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 149/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn việc ghi sổ kế toán của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Điều 2. Tổ chức công tác kế toán

Người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự ghi chép sổ sách kế

toán hoặc bố trí người làm kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật. Người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể bố trí cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình làm kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc bố trí người làm quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ thường xuyên mua, bán tài sản kiêm nhiệm làm kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Điều 3. Về sổ kế toán và lưu trữ tài liệu kế toán

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được lựa chọn lưu trữ các tài liệu kế toán (hóa đơn, chứng từ kế toán, sổ kế toán,...) trên phương tiện điện tử hoặc bằng bản giấy.

2. Thời hạn lưu trữ tài liệu kế toán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tối thiểu là 05 năm, đối với thời hạn lưu trữ hóa đơn thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Ngoài các sổ kế toán hướng dẫn tại Thông tư này, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể bổ sung thêm các sổ kế toán hoặc sửa đổi lại biểu mẫu các sổ kế toán cho phù hợp với nhu cầu của đơn vị. Sổ kế toán được mở thêm hoặc sửa đổi lại biểu mẫu vẫn phải ghi rõ tên sổ; ngày, tháng, năm lập sổ; họ tên và chữ ký, đóng dấu (nếu có) của người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

4. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử mà được hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan thuế hỗ trợ xác định số thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập cá nhân (TNCN), các loại thuế khác phải nộp (nếu có) và thông báo cho người nộp thuế thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng các mẫu sổ kế toán hướng dẫn tại Thông tư này để theo dõi, đối chiếu với số thuế phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

KẾ TOÁN TẠI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH THUỘC ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, KHÔNG PHẢI NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Điều 4. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân

1. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân thì sử dụng Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (mẫu số S1a-HKD) sau đây để ghi chép doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể:

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....**Mẫu số S1a-HKD****Địa chỉ:.....***(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC***Mã số thuế:.....***ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)***SỔ DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

Địa điểm kinh doanh:.....

Kỳ kê khai:.....

Đơn vị tính:

Ngày tháng	Diễn giải	Số tiền
A	B	1
	Tổng cộng	

*Ngày ... tháng ... năm ...***NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))***2. Phương pháp ghi sổ**

a) Sổ này được mở để ghi doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ làm căn cứ kê khai, xác định hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế hay không. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện kê khai doanh thu theo quy định của pháp luật về thuế thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể dùng sổ này để theo dõi, đối chiếu số liệu với cơ quan thuế.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ.

- Cột B: Ghi diễn giải doanh thu từ việc bán hàng hóa, dịch vụ. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể ghi theo từng nghiệp vụ phát sinh hoặc theo định kỳ.

- Cột 1: Ghi số tiền bán hàng hóa, dịch vụ.

Mục 2

**KẾ TOÁN TẠI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH
THUỘC ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, PHẢI NỘP
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ vào phương pháp nộp thuế GTGT, thuế TNCN để thực hiện kế toán theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 Thông tư này, cụ thể như sau:

Điều 5. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế GTGT và thuế TNCN theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu

1. Chứng từ kế toán sử dụng là Hóa đơn và các chứng từ khác làm căn cứ để xác định và kê khai doanh thu theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Sổ kế toán

2.1. Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu số S2a-HKD)

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo mẫu sau đây để ghi chép doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ:

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....

Mẫu số S2a-HKD

Địa chỉ:.....

(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC

Mã số thuế:.....

ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng

Bộ Tài chính)

SỔ DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Địa điểm kinh doanh:.....

Kỳ kê khai:.....

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	1
		1. Ngành nghề...	
			
		Tổng cộng (1)	
		Thuế GTGT	
		Thuế TNCN	
		2. Ngành nghề...	
			
		Tổng cộng (2)	
		Thuế GTGT	

		Thuế TNCN	
		3. Ngành nghề...	
			
		Tổng cộng (3)	
		Thuế GTGT	
		Thuế TNCN	
		Tổng số thuế GTGT phải nộp	
		Tổng số thuế TNCN phải nộp	

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

2.2. Phương pháp ghi sổ

a) Sổ này được mở để ghi doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng nhóm danh mục ngành nghề kinh doanh có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT hoặc cùng mức thuế suất để tính thuế TNCN. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhiều nhóm ngành nghề khác nhau thì sổ này có thể mở cho từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT hoặc cùng mức thuế suất để tính thuế TNCN. Trường hợp cơ quan thuế cung cấp dữ liệu nộp thuế GTGT, thuế TNCN thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng sổ này để theo dõi, đối chiếu số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp với cơ quan thuế.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày, tháng của chứng từ.

- Cột C: Ghi diễn giải nội dung doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT hoặc cùng mức thuế suất để tính thuế TNCN.

- Cột 1: Ghi số tiền bán hàng hóa, dịch vụ có thể theo từng ngành nghề để làm căn cứ xác định doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT hoặc cùng mức thuế suất để tính thuế TNCN. Trên cơ sở doanh thu được xác định, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tính ra số tiền thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % hoặc cùng mức thuế suất. Dòng cuối cùng ghi tổng số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp.

Điều 6. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu và thuế TNCN trên thu nhập tính thuế

1. Chứng từ kế toán

Hóa đơn, Bảng kê mua hàng hóa, dịch vụ (đối với trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ của người bán hàng không có hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng) và các chứng từ kế toán khác làm căn cứ để xác định doanh thu, thu nhập tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Sổ kế toán

2.1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng các sổ kế toán theo danh mục sau đây

STT	Tên sổ kế toán	Ký hiệu
1	Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	Mẫu số S2b-HKD
2	Sổ chi tiết doanh thu, chi phí	Mẫu số S2c- HKD
3	Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mẫu số S2d-HKD
4	Sổ chi tiết tiền	Mẫu số S2e- HKD

2.2. Biểu mẫu và phương pháp ghi sổ kế toán

2.2.1. Sổ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ (Mẫu số S2b-HKD)

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....

Mẫu số S2b-HKD

Địa chỉ:.....

(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

Mã số thuế:.....

SỔ DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Địa điểm kinh doanh:.....

Kỳ kê khai:.....

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>
		1. Ngành nghề	
			
		Tổng cộng (1)	
		Thuế GTGT	
		2. Ngành nghề	
			
		Tổng cộng (2)	
		Thuế GTGT	

		3. Ngành nghề	
			
		Tổng cộng (3)	
		Thuế GTGT	
		4. Ngành nghề	
			
		Tổng cộng (4)	
		Thuế GTGT	
		5. Ngành nghề	
			
		Tổng cộng (5)	
		Thuế GTGT	
		Tổng số thuế GTGT phải nộp	

Ngày ... tháng ... năm ...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
 CÁ NHÂN KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phương pháp ghi sổ:

a) Sổ này được mở để ghi doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng nhóm danh mục ngành nghề kinh doanh có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhiều nhóm ngành nghề khác nhau thì sổ này có thể mở cho từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT. Trường hợp cơ quan thuế cung cấp dữ liệu nộp thuế GTGT thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng sổ này để theo dõi, đối chiếu số thuế GTGT phải nộp với cơ quan thuế.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày, tháng của chứng từ.
 - Cột C: Ghi diễn giải nội dung doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT.

- Cột 1: Ghi số tiền bán hàng hóa, dịch vụ có thể theo từng ngành nghề để làm căn cứ xác định doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT. Trên cơ sở doanh thu được xác định, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tính ra số tiền thuế GTGT phải nộp theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT. Dòng cuối cùng ghi tổng số thuế GTGT phải nộp.

2.2.2. Sổ chi tiết doanh thu, chi phí (Mẫu số S2c-HKD)

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....

Mẫu số S2c-HKD

Địa chỉ:.....

(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC

Mã số thuế:.....

ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)**SỔ CHI TIẾT DOANH THU, CHI PHÍ**

Tên địa điểm kinh doanh:.....

Kỳ kê khai:.....

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	1
		1. Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	
		2. Chi phí hợp lý	
		a) Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh.	
		b) Chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, bảo hiểm bắt buộc và các khoản chi trả cho người lao động có đóng bảo hiểm bắt buộc theo quy định; chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và các khoản chi trả cho người lao động dưới 01 tháng.	
		c) Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (nếu có).	
		d) Chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại, internet, vận chuyển, thuê tài sản, sửa chữa, bảo dưỡng.	
		đ) Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của tổ chức tín dụng theo lãi suất thực tế. Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng không vượt quá mức quy định tại Bộ luật Dân sự.	
		e) Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh...	
		3. Chênh lệch $\{(3) = (1) - (2)\}$	
		4. Tổng số thuế TNCN phải nộp $\{(4) = (3) \times \text{thuế suất}\}$	

Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/**CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phương pháp ghi sổ:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mở sổ này để xác định nghĩa vụ thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp cơ quan thuế cung cấp

[illegible]

		Cộng phát sinh trong kỳ	X	X							
		Số dư cuối kỳ			X	X	X	X			

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phương pháp ghi sổ:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mở sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa để theo dõi, quản lý về tình hình nhập, xuất, tồn cho từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày tháng của chứng từ.

- Cột C: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ phát sinh.

- Cột D: Đơn vị tính của vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

- Cột 1: Ghi đơn giá nhập, xuất, tồn của từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Trong đó, đơn giá nhập kho của từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa căn cứ vào chứng từ mua vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Đơn giá xuất kho được tính riêng cho từng loại vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho} &= \frac{(\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ})}{(\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ})} \end{aligned}$$

- Cột 2: Ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa nhập kho.

- Cột 3: Ghi giá trị (thành tiền) vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa nhập kho (Cột 3 = Cột 1 x Cột 2).

- Cột 4: Ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho.

- Cột 5: Ghi giá trị (thành tiền) vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho (Cột 5 = Cột 1 x Cột 4).

- Cột 6: Ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa tồn kho.

- Cột 7: Ghi giá trị (thành tiền) vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa tồn kho (Cột 7 = Cột 1 x Cột 6).

2.2.4. Sổ chi tiết tiền (Mẫu số S2e-HKD)

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:....**Mẫu số S2e-HKD****Địa chỉ:.....***(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-***Mã số thuế:.....***BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của**Bộ trưởng Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT TIỀN****Kỳ kê khai:***Đơn vị tính:.....*

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng		Thu/Gửi vào	Chi/Rút ra
A	B	C	1	2
		Tiền mặt		
		Tiền mặt đầu kỳ		
				
				
		Tổng tiền thu vào trong kỳ		
		Tổng tiền chi ra trong kỳ		
		Tiền mặt tồn cuối kỳ		
		Tiền gửi không kỳ hạn		
		Ngân hàng....		
		Tiền gửi đầu kỳ		
				
				
		Tổng gửi vào trong kỳ		
		Tổng tiền rút ra trong kỳ		
		Tiền gửi cuối kỳ		
		Ngân hàng...		
				

*Ngày ... tháng ... năm ...***NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/****CÁ NHÂN KINH DOANH***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))*

Phương pháp ghi sổ:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải mở sổ chi tiết tiền để theo dõi tình hình thu, chi bằng tiền mặt hoặc tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi để thanh toán) trong tài khoản của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại các ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể mở sổ này chi tiết theo từng loại tiền (tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn). Đối với tiền gửi không kỳ hạn, hộ kinh doanh, cá

Tổng cộng											

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phương pháp ghi sổ:

- Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ.
- Cột B: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ phát sinh.
- Cột 1: Ghi lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế.
- Cột 2: Ghi mức thuế tuyệt đối theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường.
- Cột 3: Giá tính thuế/01 đơn vị hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.
- Cột 4: Ghi mức thuế suất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất.
- Cột 5: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % (Cột 5 = Cột 1 x Cột 3 x Cột 4).
- Cột 6: Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối (Cột 6 = Cột 1 x Cột 2).
- Cột 7: Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp (Cột 7 = Cột 5 + Cột 6).
- Cột 8: Tính thuế bảo vệ môi trường phải nộp (Cột 8 = Cột 1 x Cột 2).
- Cột 9: Tính thuế tài nguyên phải nộp (Cột 9 = Cột 1 x Cột 3 x Cột 4).
- Cột 10: Tính thuế sử dụng đất phải nộp (Cột 10 = Cột 1 x Cột 3 x Cột 4).

Chương III**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.
2. Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Thuế các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm triển khai hướng dẫn các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện Thông tư này.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Tâm